

Trung Quốc và hệ thống thương mại đa phương – Lợi thế và xung đột

Đỗ Tuyết Khanh

Sức mạnh kinh tế khổng lồ của Trung Quốc ngày nay hiển nhiên và cũng hiển nhiên không kém là Trung Quốc đã xây dựng được thế lực ấy nhờ thương mại, đặc biệt từ sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cuối năm 2001. Trong 12 năm qua, Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng ngay cả lúc kinh tế thế giới suy thoái, lần lượt qua mặt các cường quốc thương mại truyền thống như Nhật Bản và Đức, và nhất là mỗi lúc một nhanh hơn các tiên đoán.

Năm 2001, Trung Quốc là nền kinh tế thứ 6 trên thế giới, đồng hạng với Ý. Chỉ tám năm sau, năm 2009, Trung Quốc là nước xuất khẩu lớn nhất thế giới và chiếm hạng nhì về nhập khẩu. Năm 2012, với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu non 3 870 tỉ đô la Mỹ (USD), Trung Quốc đứng hạng nhì nhưng chỉ thua 10 tỉ so với con số 3 880 tỉ USD của Mỹ. Tháng 3 năm nay, thống kê sơ khởi của WTO xác định tuyên bố của Trung Quốc là đã vượt qua Mỹ để trở thành cường quốc thương mại hàng đầu, với 4 160 tỉ USD xuất nhập khẩu trong năm 2013, trong đó xuất khẩu đạt 2 210 tỉ USD và nhập khẩu 1 950 tỉ USD. Ấn tượng hơn cả, ngày 1 tháng 5 vừa qua, Ngân hàng Thế giới dự đoán trên cơ sở ngang giá sức mua (*purchasing power parity* – PPP) Trung Quốc sẽ trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới ngay trong năm nay, chứ không phải từ đây đến 2020 như theo các dự phóng trước đây, hạ bộ Mỹ khỏi vị trí độc tôn đã chiếm ngự trong gần 140 năm, từ 1872. Tất nhiên, tính theo GDP, Trung Quốc đứng hạng nhì (nếu không tính Liên hiệp châu Âu như một khối) nhưng còn rất xa Mỹ : theo thống kê của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cho năm 2014, GDP của Trung Quốc (9 761 tỉ USD) chỉ hơn một nửa GDP của Mỹ (17 438 tỉ USD). So sánh GDP trên đầu người theo thống kê của IMF cho năm 2013, khoảng cách giữa Trung Quốc (6 747 USD) và Mỹ (53 101 USD) càng xa vời hơn nữa. Song, với đà phát triển như cho tới

nay, viễn tượng Trung Quốc đứng đầu toàn thế giới về kinh tế ngày càng gần với hiện thực.

Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc là 266 tỉ USD. Tám năm sau, con số này đã được nhân lên gấp 4,5 lần, đạt 1 201 tỉ USD năm 2009. Mười hai năm sau khi gia nhập WTO, xuất khẩu của Trung Quốc, với 2 210 tỉ USD năm 2013, đã được nhân lên gấp 8,3 lần. Một đà tăng trưởng vũ bão chứng minh hùng hồn những lợi ích hệ thống thương mại đa phương đã mang lại cho Trung Quốc. Song tất nhiên không phải nước nào gia nhập WTO cũng có được những kết quả phi thường như thế. Trung Quốc là một biệt lệ, đã tận dụng hệ thống đa phương cùng những ưu thế của mình để thực hiện một chiến lược bành trướng toàn diện với mục tiêu cuối cùng là làm bá chủ thiên hạ, chiếm lại vị thế ưu việt tự coi là thiên định của mình, đã mất trong « thế kỷ nhục nhã » từ cuộc Chiến tranh Nha phiến năm 1848 cho đến hết đệ nhị thế chiến năm 1945, xoá đi « giai đoạn sai lầm của lịch sử » này.

Mục đích gia nhập WTO của mỗi nước ứng viên là được hưởng những quyền lợi dành cho các thành viên dựa trên ba nguyên tắc cơ bản : qui chế tối huệ quốc (*most-favoured nation – MFN*) cho phép mỗi thành viên hưởng tất cả những ưu đãi một thành viên khác đã thoả thuận với một đối tác ; chế độ đãi ngộ quốc gia (*national treatment*) cho phép nước xuất khẩu hưởng những điều kiện pháp luật và hành chính áp dụng cho các doanh nghiệp và ngành sản xuất nội địa; và nguyên tắc không phân biệt đối xử (*non-discrimination*), nền tảng của triết lý và khung pháp lý hệ thống thương mại đa phương. Ngoài ra và cũng quan trọng không kém, gia nhập WTO cho phép tự bảo vệ qua cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO, thường gọi tắt là DSU (*Dispute settlement Understanding*). Tóm lại, vào WTO là được tiếp cận thị trường, cạnh tranh trên cơ sở bình đẳng, và dựa vào luật WTO để kiện tụng khi lợi ích của mình bị đụng chạm hay tự bào chữa khi bị khiêu nại. Song, để quyền lợi thành ích lợi cụ thể, thị trường rộng mở thành cơ hội làm giàu, phải có gì để xuất khẩu và bán đủ nhiều để gia tăng lợi tức, phát triển thương mại đồng nghĩa với phát triển kinh tế.

Chiến lược « biển hàng »

Lợi thế đầu tiên của Trung Quốc là khi gia nhập WTO năm 2001 đã có một cơ sở sản xuất đồ sộ và một quá trình tăng trưởng cao trong suốt hai mươi năm sau chính sách mở cửa của Đặng Tiểu Bình, một phần nhờ các luồng đầu tư ồ ạt của các nước phát triển loá mắt trước số dân khổng lồ vừa là nguồn lao động rẻ vừa hứa hẹn một thị trường béo bở trong tương lai. Vì thế, ngay sau khi được thị trường các nước mở cửa, Trung Quốc đã có thể tung hàng mình đi khắp nơi, nhanh chóng nhận thị phần của mình ở nhiều nước và cho nhiều mặt hàng. Một thí dụ nổi tiếng là cuộc « chiến tranh nịt ngực » (« *bra war* ») giữa Trung Quốc và Liên hiệp châu Âu (EU) năm 2005 khi Hiệp định về các loại sợi (*Multifibre Agreement – MFA*) chấm dứt, tất cả các hạn ngạch (*quota*) được bãi bỏ, hàng Trung Quốc, trước đó đã tràn lan trong các nước Âu Mỹ, lúc ấy hoàn toàn không chế thị trường. Ngay từ năm 2002, nhờ thoát khỏi một số hạn ngạch khi vào WTO, sự phát triển của xuất khẩu dệt may Trung Quốc đã tăng tốc, về trị giá cũng như số lượng đều tăng vọt, gấp 3, 4 lần hoặc hơn nữa trong chỉ một năm. Chính vì e ngại điều này mà trong quá trình thương thuyết gia nhập WTO, các nước thành viên đã ép Trung Quốc phải giới hạn tỉ lệ gia tăng xuất khẩu hàng dệt may ở mức 7,5% cho đến hết năm 2008. Nhưng ngay từ mấy tháng đầu năm 2005, sau khi hiệp định MFA chấm dứt, hàng dệt may Trung Quốc đã ồ ạt đổ vào các nước châu Âu, con số 7,5% thành vô nghĩa, khiến EU dùng đến điều khoản bảo hộ (*safeguard clause*) dự trù trong Nghị định thư về gia nhập WTO của Trung Quốc để áp đặt hạn ngạch trở lại. Hơn 80 triệu hàng may mặc Trung Quốc bị cấm vận trong các hải cảng châu Âu. Cuộc tranh chấp kéo dài mấy tháng cho đến khi Trung Quốc và EU đi đến thoả thuận để giải quyết bế tắc. Một thoả thuận có lợi cho Trung Quốc nhiều hơn cho EU, cho thấy một xu hướng vẫn tiếp tục đến ngày nay: khi có xung đột, Trung Quốc áp dụng phương pháp chia rẽ để thắng thế, lợi dụng chỗ yếu của EU là những mâu thuẫn giữa hai mươi mấy nước thành viên không vượt qua nổi những khác biệt về quyền lợi và chính sách để có một chiến lược thống nhất, bảo vệ lợi ích chung.

Bảy năm sau, kịch bản tái diễn với tranh chấp về pa-nô mặt trời. Đã từ lâu, các công ti Âu châu sản xuất thiết bị năng lượng mặt trời phản đối sự cạnh tranh bất chính của các công ti Trung Quốc được tha hồ vay vốn với lãi suất thấp từ các ngân hàng nhà nước Trung Quốc để bán rẻ mặt hàng, áp dụng chiến thuật cô hữu là xâm nhập thị trường bằng mọi giá để bóp chết cạnh tranh và

chiếm toàn bộ thị phần. Không địch lại được, những công ti Âu Mỹ lớn mạnh nhất cũng điều đứng, như Solyndra của Mỹ phá sản tháng 8. 2011, Q-Cells của Đức, chiếm hạng nhì thế giới của ngành này, phá sản tháng 4. 2012, và SolarWorld của Đức thua lỗ 492,4 triệu euros năm 2012 và mãi đến tháng 5.2013 mới có được thoả thuận với các chủ nợ để tránh phá sản.

Tháng 5. 2012, chính phủ Mỹ quyết định đánh thuế chống phá giá lên các thiết bị mặt trời của Trung Quốc và tháng 8. 2012 , SolarWorld dẫn đầu một nhóm công ti Âu Mỹ sản xuất thiết bị mặt trời đệ đơn khiếu nại lên Ủy ban Âu châu, Bộ Thương mại Mỹ và Ủy ban Thương mại Quốc tế của Mỹ (*United States International Trade Commission - USITC*), yêu cầu đánh thuế phạt 59 công ti Trung Quốc.

Sau một cuộc điều tra dài, tháng 6. 2013 Ủy ban Âu châu quyết định đánh thuế phụ thu chống phá giá 47,7% trên các trang bị quang điện Trung Quốc bị xem là xuất khẩu phá giá. Trung Quốc nổi giận hăm dọa trả đũa bằng đánh thuế lên rượu của Pháp, Ý và Tây Ban Nha và xe hơi của Đức. Thương lượng giữa hai bên đưa đến thoả thuận về cam kết giá cuối tháng 7. 2013. Phía Trung Quốc đồng ý chấm dứt bán phá giá và cam kết sẽ tôn trọng giá tối thiểu là 0,56 euro /watt. Bù lại, các công ti Trung Quốc tham gia cam kết sẽ được miễn thuế chống phá giá và được xuất khẩu sang EU cho đến công suất tối đa 7 gigawatts. Thuế chống phá giá 47,7% chỉ áp dụng cho các công ti không tham gia cam kết và cho mọi nhập khẩu thiết bị vượt quá công suất tối đa cho phép. Một lần nữa thoả hiệp giải quyết tranh chấp có lợi cho Trung Quốc hơn cả. Các công ti Âu châu bất bình vì mức giá tối thiểu còn thấp hơn giá trung bình của các thiết bị Trung Quốc, không hỗ trợ tí nào sức cạnh tranh của hàng Âu châu, và mức công suất tối đa lại có tác dụng là đảm bảo cho Trung Quốc một thị phần đáng kể trên một thị trường trị giá 21 tỉ euros một năm. Thị phần của các công ti Trung Quốc đã tăng từ 7,2% năm 2009 lên 30,5% năm 2012.

Kết quả ngược đời này cũng lại do những mâu thuẫn trong nội bộ EU, biện pháp thuế chống phá giá được một vài nước như Pháp ủng hộ nhưng bị đa số các nước khác, dẫn đầu là Đức, chống lại. Trước những giằng co nội bộ của EU, Trung Quốc chỉ cần đánh tiếng vài câu. Đến thăm Bá Linh tháng 6. 2013, thủ tướng Lý Quốc Cường khuyến cáo : những biện pháp chống phá giá Ủy ban Âu

châu dự kiến có thể gây « nguy hại không những cho kỹ nghệ quang điện, các xí nghiệp và công ăn việc làm ở Trung Quốc mà còn cho những người tiêu dùng ở châu Âu ». Ai cũng hiểu lời đe dọa không cần che giấu này. Trung Quốc là một bạn hàng quan trọng của Đức, xuất khẩu của Đức sang Trung Quốc lên đến 2,4% GDP của Đức, gấp ba tỉ lệ tương đương 0,8% của Pháp. Là nền kinh tế mạnh nhất châu Âu, Đức cũng đứng đầu trong luồng thương mại của EU với Trung Quốc: với 32,4 tỉ euros, Đức chiếm 45% tổng số xuất khẩu của EU sang Trung Quốc. Từ năm 2011, Trung Quốc chọn Đức là người đối thoại chính, quan hệ khăng khít tới mức được gọi là « trục Bắc Kinh – Bá Linh ». Thực tế là Bắc Kinh « nắm tay » các đại công ti của Đức như Mercedes, Siemens và Bosch đã dẫn sâu ở Trung Quốc qua những giao kèo thương mại và đầu tư. Các công ti này càng nao núng trước những hăm dọa trả đũa vì đã thấy các công ti Nhật ở Trung Quốc phải chịu hậu quả ra sao khi có căng thẳng trong quan hệ giữa hai nước. Áp lực của họ đã khiến nước Đức chọn hy sinh quyền lợi của một ngành kỹ nghệ để bảo vệ một ngành khác, quan trọng hơn hay lớn miệng hơn.

Thâm hụt cán cân thương mại của toàn EU với Trung Quốc ngày càng đào sâu, từ 55 tỉ euros năm 2002 lên đến 147,2 tỉ euros năm 2012, với con số kỷ lục 171 tỉ năm 2008. Khi biết rằng có khoảng 36 triệu người ở châu Âu làm việc trực tiếp hay gián tiếp trong thương mại và gần 20% công việc làm ở châu Âu lệ thuộc vào xuất khẩu, khả năng cạnh tranh với Trung Quốc là một yếu tố không nhỏ trong bài toán hóc búa để giải quyết nạn thất nghiệp trầm trọng ở châu Âu từ nhiều năm. Sự yếu thế của EU khi phải đối phó với Trung Quốc như trong hai thí dụ trên lại càng đáng quan ngại.

Khi cái rất tệ lại là lợi thế

Hai thí dụ trên cũng cho thấy một lợi thế khác của Trung Quốc do sự khác biệt về thể chế giữa Trung Quốc và các nước dân chủ. Trong các nước dân chủ, chính quyền chịu áp lực của xã hội, phải dung hoà những đòi hỏi trái ngược của các nhóm lợi ích, các ngành nghề. Chính khách phải chiều cố đến cử tri để còn có thể tái cử, các biện pháp và chính sách kinh tế thường không nhắm xa hơn vài năm, mốc thời gian của các nhiệm kỳ, nhiều khi chỉ để vá vấp một giải pháp tạm bợ. Ngược lại chế độ độc đảng toàn trị cho phép

Trung Quốc rảnh tay thực hiện mọi chính sách, tính toán lâu dài, không bị cái ngắn hạn cản trở những mục tiêu dài hạn, không bị ràng buộc bởi áp lực nào khác ngoài sự cân bằng phải duy trì giữa các phe phái trong nội bộ đảng và chính quyền. Mặt khác đảng, nhà nước và các thế lực kinh tế liên kết chặt chẽ và phục vụ lẫn nhau, sức mạnh kinh tế làm hậu thuẫn cho mưu đồ chính trị và quyền lực chính trị yểm trợ chiến lược bành trướng kinh tế. Trong khi ở Mỹ tổng thống Obama phải đương đầu với các đảng đối lập Cộng hoà và Tea Party, ở Pháp chính quyền Hollande bó tay trước những mâu thuẫn xã hội vô hiệu hoá mọi biện pháp và cải cách, ở Trung Quốc có ai cản trở Tập Cận Bình và Lý Quốc Cường ? Bộ trưởng kinh tế Pháp Arnaud Montebourg nói hăng gấp mấy cũng không ngăn nổi các công ti xe hơi PSA và Peugeot sa thải hàng ngàn công nhân, còn Hồ Cẩm Đào chỉ cần ra lệnh Exim Bank cho vay vốn với lãi rẻ là Sinopec có thể trả giá gấp đôi để loại địch thủ, giật hợp đồng khảo sát dầu hoả ở Angola năm 2006. Chế độ độc tài, với tất cả những cái ghê tởm của nó, lại lần áp được những thế chế đảng hoàng hơn nhưng yếu thế do chính tính dân chủ của mình. Ai bảo là ở hiền gặp lành ?

Một lợi thế khác, cũng phản đạo đức như thế, là Trung Quốc tự cho phép làm tất cả những gì có lợi cho mình bất chấp luật lệ quốc gia hay quốc tế hoặc mọi chuẩn mực nguyên tắc. Tất nhiên ở đâu lợi nhuận và quyền lực cũng có thể là động cơ làm bậy nhưng ít ra có sự đồng thuận về đúng sai, ai cũng phải chấp nhận phi pháp và phản đạo lý là cái tội. Trung Quốc thì khác, đã là thành viên cộng đồng quốc tế và hệ thống thương mại đa phương thì dĩ nhiên cũng phải nói vắn về như mọi người về tuân thủ công pháp quốc tế và luật WTO, nhưng trong thâm tâm Trung Quốc vẫn nghĩ mình là một thế giới riêng, ở trên tất cả, không ai có thể áp đặt những giá trị « ngoại bang » hoặc chỉ đạo phương hướng. Cũng như những nhóm mao-ít ngày xưa luôn mồm viện cứ « đặc thù Trung Hoa » (*spécificité chinoise*) để giải thích tại sao Trung Quốc không cần phải có cái « dân chủ tư bản », Trung Quốc tự cho phép ngồi lên mọi qui tắc đạo luật nào cản trở quyền lợi của mình. Kiêu hãnh về nền văn minh lâu đời, tự tin ở sức mạnh của mình, đằng sau các sáo ngữ ngoại giao là sự cao ngạo và khinh bỉ các giá trị và tu duy của những nền văn hoá khác.

Chỉ hai thí dụ sau đây đủ cho thấy Trung Quốc tôn trọng ra sao pháp lý và đạo lý.

Tháng 5 năm nay, theo báo cáo của nhóm nghiên cứu *Africa Progress Panel* do ông Kofi Annan, cựu Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc, chủ tọa, các nước châu Phi bị tổn hại 17 tỉ USD mỗi năm vì những hoạt động khai thác gỗ phi pháp, trong đó các công ti Trung Quốc đóng vai trò ngày càng lớn. Theo tổ chức *Environmental Investigation Agency* (EIA) tại Luân Đôn, Trung Quốc là nước đầu sỏ trên thế giới với 18,5 triệu mét khối gỗ phi pháp nhập khẩu năm 2011, trị giá khoảng 4 tỉ USD. Ngoài thiệt hại kinh tế, luồng thương mại bất chính này cũng tàn phá rừng mưa nhiệt đới của Congo, là khu rừng nhiệt đới lớn thứ nhì trên thế giới sau rừng Amazon ở Brazil. Nhóm *Africa Progress Panel* khuyến cáo là mọi khung pháp lý để quản lý rừng ở châu Phi đều vô nghĩa nếu không có Trung Quốc tham gia. Song chờ đợi Trung Quốc nhận trách nhiệm cũng vô nghĩa không kém. Với hơn 227 triệu héc-ta, tức khoảng 30% diện tích rừng ở châu Phi đã nằm trong tay mình qua những giao kèo chuyển nhượng, Trung Quốc khai thác triệt để nguồn tài nguyên này để thỏa mãn nhu cầu vô hạn độ của mình, vẫn tiếp tục tăng để lên tới 800 triệu mét khối vào năm 2020 theo ước tính của Bộ quản lý lâm nghiệp Trung Quốc. Ở Guinea-Bissau chẳng hạn, mỗi năm có hàng trăm ngàn cây rừng bị chặt, biến thành những súc gỗ mỗi ngày được 6, 7 chục xe vận tải nặng luân phiên chở ra những con tàu đợi đưa về cảng Hoàng Phố (Huangpu). Ở đây cũng như ở nơi khác, Trung Quốc dựa vào một chính quyền yếu kém, thối nát và đồng lõa cấp giấy phép vô tội vạ để Trung Quốc tha hồ vơ vét. Mỗi năm Guinea-Bissau mất khoảng 80 000 héc-ta rừng mà không có một chương trình tái tạo rừng nào. Khi dân chúng địa phương phản đối hay kháng cự, giải pháp của chính quyền là cho quân đội đi theo hộ tống những toán công nhân Trung Quốc. Trong khi đó, diện tích rừng ở Trung Quốc gia tăng nhờ những biện pháp gắt gao bảo vệ và tái tạo rừng đã được áp dụng từ năm 1998. Theo EIA, kỹ nghệ gỗ phồn thịnh của Trung Quốc dựa trên nhập khẩu tài nguyên và xuất khẩu tàn phá môi trường.

Made in China, made in the world hay made in Italy ?

Tháng 8. 2011, WTO phát động sáng kiến “Made in the World” nhằm cải tiến các phương pháp đo lường và phân tích các luồng thương mại trên thế giới để đánh giá chính xác hơn ảnh hưởng của toàn cầu hoá trên các nền kinh tế nội địa, đặc biệt là lao

động. Cho nhiều hàng hoá, nhất là những sản phẩm tối tân, qui trình sản xuất từ các khâu thiết kế, chế tạo linh kiện đến lắp ráp, ngày nay trải rộng trên nhiều nước nên những phương pháp tính toán cố hữu để xác định nguồn gốc mặt hàng không còn thích hợp, có thể làm sai lệch thống kê và những tranh cãi chính trị về nguyên do của sự bất cân bằng cán cân thương mại. Thay vì qui định nguồn gốc mặt hàng là nước sản xuất cuối cùng và tính kim ngạch xuất nhập khẩu theo giá trị hải quan, WTO đề nghị khái niệm nguồn gốc đa quốc gia (“made in the world”) và tính giá trị sản phẩm theo giá trị gia tăng của từng công đoạn trong mỗi nước tham gia qui trình sản xuất, trong đó phải kể cả yếu tố thương hiệu và các dịch vụ như khuyến mãi. Cách tính này thay đổi hoàn toàn thống kê xuất nhập khẩu của các nước và con số nhập siêu của Mỹ từ Trung Quốc chẳng hạn sẽ giảm hẳn 40%, và số nhập siêu của Pháp từ Trung Quốc sẽ giảm 20%. Ngược lại số nhập siêu của Mỹ từ Nhật sẽ tăng 50%.

Thông điệp của WTO rất rõ ràng: toàn cầu hoá (và Trung Quốc) không phải là thủ phạm của mậu dịch thiếu hụt (đặc biệt ở Mỹ) và của những vấn nạn kinh tế khác như thất nghiệp và sự mai một của nhiều ngành kỹ nghệ vì các công ti đua nhau chuyển cơ sở sản xuất sang các nước lao động rẻ (như Trung Quốc cho tới đây). “Made in the World” trở thành một chương trình, WTO ký hợp đồng với Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (*Organization for Economic Cooperation and Development - OECD*) để bắt đầu công bố thống kê chính thức về thương mại quốc tế trên cơ sở giá trị gia tăng. Tháng 4. 2012, phát biểu nhân dịp khánh thành Kho dữ liệu xuất-nhập lượng thế giới (*World Input-Output Database – WIOD*) thiết lập với sự tài trợ của EU, ông Alejandro Jara, phó Tổng Giám đốc WTO thời ấy, tuyên bố: “*Sáng kiến “Made in the World” của WTO nằm trong quá trình tái cơ cấu hệ thống quản trị thế giới*”. Nói cách khác, đây là một trong những bước tiến của quá trình thích nghi với một cục diện thế giới đã thay đổi sâu sắc với sự trỗi dậy của một số nước, đặc biệt là Trung Quốc.

Tất nhiên không phải ai cũng đồng tình với sáng kiến này và những lý lẽ đưa ra. Một số nhà nghiên cứu và chuyên gia như ông Charles W. McMillion, cựu biên tập viên tập san *Harvard Business Review* và cựu phó Giám đốc viện *Johns Hopkins University Policy Institute*, phản biện từng chi tiết các thí dụ WTO đưa ra và đánh giá : “*Đây là cái vớ vẩn chỉ nhằm loè những người ngoại đạo*

về kinh tế”. Vỡ vản hay không, nhưng điều hiển nhiên là “Made in the World” nhằm phản công lại khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa trong kinh tế của những “Buy American Act” đã có từ 1933 dưới thời của tổng thống Herbert Hoover hoặc khẩu hiệu hô hào mua hàng “made in France” của bộ trưởng Arnaud Montebourg gần đây. Không phải ngẫu nhiên mà cựu Tổng Giám đốc WTO Pascal Lamy, đã chỉ trích nặng nề sự “ấu trĩ” của Montebourg, cũng là người chủ xưởng sáng kiến “Made in the World”.

Ngược lại Trung Quốc tất nhiên nhiệt tình cổ xúy sáng kiến rất có lợi cho mình này: vừa vô hiệu hoá lập luận của những nhóm ở Mỹ xem Bắc Kinh là đầu mối của mọi vấn đề kinh tế Mỹ, vừa trấn an dư luận trong nhiều nước e ngại Trung Quốc thống trị kinh tế toàn cầu. Mặt khác chả có gì phải tiếc nuối cái nhãn “made in China” cho tới nay vẫn thường đồng nghĩa với hàng rẻ tiền, chất lượng xấu, thậm chí độc hại. Ngược lại là đằng khác, « Made in the World » cho phép mập mờ đánh lận con đen, qua đó những nước xuất khẩu chuyên đim giá như Trung Quốc thoát tội bán phá giá. Nó cũng tránh cho hàng Trung Quốc không bị tẩy chay vì những lý do khác - vi phạm nhân quyền, đàn áp Tây Tạng, làm ăn gian dối - hoặc vì ác cảm nói chung. Greg Autry, đồng tác giả quyển « *Death by China- Confronting the Dragon, A Global Call to Action* » quả quyết hơn nữa: « Cái nhãn « Made in the World » rõ ràng là nhằm nguy trang những khác biệt chính trị giữa các nước, bình thường hoá những chế độ độc tài như Trung Quốc. Sáng kiến này chỉ có thể làm mất đi những thông tin thiết yếu đối với người tiêu thụ ».

« Made in the World » có lợi cho Trung Quốc tới mức có thể tự hỏi Trung Quốc đã đóng vai trò nào trong việc đề xướng và thúc đẩy sáng kiến này, tuy điều này không thể kiểm chứng vì truyền thông bưng bít của Bắc Kinh, thường tác động sau hậu trường. Song, một mặt cổ vũ nhãn đa quốc gia một mặt Trung Quốc cũng không ngần ngại chiếm đoạt và khai thác nhãn một quốc gia khác khi có lợi cho mình. Như trong trường hợp sau đây.

Prato, 189 000 dân, quê hương của nhà văn Curzio Malaparte và đạo diễn Roberto Benigni, là một thành phố xinh đẹp và cổ kính tiêu biểu của vùng Toscana ở Ý. Năm 1989, khoảng 100 người Trung Hoa đến đây lập nghiệp, dựng lên những cơ sở may mặc nhỏ. Mười một năm sau, năm 2010, họ là 40 000 người, có thể đông hơn nữa, một nửa cư trú bất hợp pháp và tất cả đều đến từ

thành phố Ôn Châu ở phía nam Thượng Hải. “*Đây là một chuyện hết sức kỳ lạ. Không phải chỉ có một nhóm người Trung Hoa đến nhập cư ở Prato và làm nảy sinh một trong những cộng đồng lớn nhất ở Âu châu mà còn là Trung Quốc và mô hình kinh tế của họ đã đến đóng quân ở Toscana.*” Silvia Pieraccini, phóng viên cư ngụ tại Prato và tác giả quyển “*L’Assedio cinese*” (Cuộc vây hãm của Trung Hoa), nhận xét. Đến Prato, Trung Quốc đã rút gần 15 000 cây số để sát lại gần thị trường Âu châu. Lúc trước, những cửa hàng ở Bologna hay Milano phải đợi hai tháng để nhận hàng từ Thượng Hải. Bây giờ họ chỉ cần hai ngày. Họ có thể đặt hàng lúc 8 giờ chiều và được giao hai hôm sau. Người Trung Hoa cũng lấy rẻ tiền chuyên chở, chỉ bằng nửa giá của hãng Ý. Mỗi ngày 1 triệu quần áo được sản xuất từ 4 500 cơ sở may của người Trung Hoa. Vải vóc cũng từ Trung Quốc. Doanh thu ước tính: 2 tỉ euros một năm, hơn một nửa không khai báo. Mỗi ngày 1 triệu euros được chuyển về các ngân hàng ở Ôn Châu. Những con số này của năm 2010 có nhiều khả năng tăng hơn là giảm ngày hôm nay.

Song, điều làm người địa phương đau khổ nhất là những mặt hàng sản xuất ồ ạt, rẻ tiền và chất lượng tồi này của Trung Quốc lại được mang cái nhãn đắt giá “made in Italy”, cạnh tranh bất chính với những sản phẩm truyền thống của Ý, quê hương nổi tiếng của thời trang. Prato lúc trước chuyên sản xuất vải vóc. Khi những người Trung Hoa đầu tiên đặt chân đến, thành phố có hơn 10 000 phân xưởng. Từ năm 2000 trở đi, ngành vải sợi địa phương lụn bại trước sự cạnh tranh từ châu Á, năm 2009 chỉ còn hơn 3 000 phân xưởng. Các cơ sở đóng cửa đến đâu, hàng chục ngàn mét vuông mặt bằng bỏ trống đều vào tay những công nhân Trung Hoa nhảy ra làm riêng. Tệ hơn cả là cung cách làm ăn của họ, vi phạm đủ mọi luật lệ và khi bị thanh tra, trừng phạt thì đóng cửa và nhanh chóng mở lại dưới tên khác và để người khác đứng tên. Người dân Prato cảm thấy bị tổn thương đủ mọi bề: cái làm nên tiếng tăm và phần vinh của thành phố họ có nguy cơ bị triệt tiêu, thay vào đó là sự hiện diện đông đảo như xâm lăng của người Trung Hoa, ngang nhiên xúc phạm các qui tắc và luật pháp nước sở tại. Ngoài ảnh hưởng kinh tế, hiện tượng này cũng gây ra nhiều vấn đề chính trị xã hội, đảng kỳ thị ngoại kiều Lega Nord đã nhân đôi số phiếu của mình ở Prato, từ 4% lên 10% năm 2010. Một hậu quả cũng tai hại không kém.

Đội quân thâm lậu

Song đầu chỉ có Prato hay nơi nào khác ở Ý hoặc châu Âu. Trên khắp trái đất, từ mọi ngõ ngách của thành thị đến nông thôn và sa mạc, chỗ nào cũng có bóng dáng người Trung Hoa đến lập nghiệp hay được gửi đi lao động, công tác. Không thể biết được con số chính xác nhưng theo ước tính, hiện nay có khoảng 35 triệu Hoa Kiều và người gốc Hoa trên thế giới.

Juan Pablo Cardenal và Heriberto Araújo, hai phóng viên thường trú ở Bắc Kinh đã lặn lội trong 25 nước châu Phi, châu Mỹ la tinh, Trung Đông, châu Á trong suốt hai năm để phỏng vấn hơn 500 người, từ cô bán hàng rong Lan Xing ở Cairo (Ai Cập), ông chủ nông trường Fan Hui Fang ở Khartoum (Sudan), ông đại gia Zhang Qi ở Kinshasa (Congo) đến anh nhân viên Lei Li của công ti China National Petroleum Corporation (CNPC) ở mỏ ga Farah (Turkmenistan) và Harry Sun Soria, cháu nội bốn đời của Tôn Nhật Tiên và cựu thị trưởng Guayaquil, thủ đô kinh tế của Ecuador. Tác phẩm « *China's Silent Army* » của họ vẽ lên bức tranh một đội quân thâm lặng nhưng kiên trì thực hiện giấc mơ làm giàu của bản thân cùng với chiến lược bành trướng kinh tế của Trung Quốc, ghi lại những « *success stories* » như của một Liu Desheng chỉ học mấy năm tiểu học và một lớp nấu ăn nhưng từ buôn bán nhỏ đến kinh doanh lớn hiện làm chủ một mạng lưới đại siêu thị và cửa hàng từ Vladivostok đến Moskova. Hai tác giả cũng nêu rõ những điều lệ xảo quyệt của các hợp đồng khai thác tài nguyên, chuyển nhượng đất đai cho phép Trung Quốc thu về mọi lợi ích và để lại ở các nước đối tác phá hoại môi sinh, căng thẳng xã hội và nghèo đói vẫn hoàn nghèo đói.¹

Gọi là « đội quân » cũng không ngoa vì một đặc điểm của cộng đồng Hoa kiều là tinh thần cái bang và tình cảm dân tộc ăn sâu từ thế hệ này sang thế hệ khác, vượt qua chính kiến và ý thức hệ để gắn bó với một tổ quốc Trung Hoa, dù xa xôi trong không

¹ Về điểm này xem thêm Đỗ Tuyết Khanh, *Chính sách khai thác tài nguyên của Trung Quốc*, Thời đại mới, số 23, tháng 11. 2011, và Nguyễn Huy Vũ và Nguyễn Minh Thọ, *Trung Quốc ở Châu Phi*, tham luận tại Hội thảo mùa hè Toulouse, 31/7-1/8.2014.

gian và thời gian. Tuy gia đình họ Tôn đã định cư ở Ecuador từ năm 1881 và trải qua 4 thế hệ, Harry Sun Soria, dân biểu quốc hội Ecuador, vẫn xác định mình là người Hoa, thành lập và tài trợ một Quỹ Tôn Nhật Tiên để bảo tồn di sản văn hoá của tổ tiên. « *Tôi có thể chia sẻ những cuộc cách mạng của Tôn Nhật Tiên cũng như của Mao Trạch Đông. Tại sao ? Tại vì trước đó, chúng tôi là số không. Bị cả thế giới xâm lăng. Cuộc chiến tranh Nha phiến.... Pháp và Anh làm giàu trên xương máu người Trung Hoa ...* » Ông lập lại không thiếu một chữ bài bản quen thuộc của Đảng cộng sản Trung Quốc về những tội ác của Tây phương ở Trung Quốc trong những thế kỷ trước.

Harry Sun không phải là ngoại lệ. Hiện tượng di dân của người Hoa đã có từ mấy trăm năm trước nhưng vẫn có rất nhiều người tự hào về nguồn gốc của mình, trung thành với xứ sở Trung Quốc bất luận chính kiến. Cộng đồng Hoa kiều đã đóng góp không nhỏ vào sự phát triển của Trung Quốc từ khi Đặng Tiểu Bình đưa ra chính sách thu hút đầu tư của Hoa Kiều. Theo ước tính, 65% tổng số 500 tỉ USD đầu tư nước ngoài trực tiếp cho đến 2003 là từ các cộng đồng Hoa Kiều, đặc biệt ở Hồng Kông, Đài Loan và Đông Nam Á. Ngay từ những năm 1920, 1930, các đóng góp của Hoa kiều đã tài trợ những dự án xây đường, cầu, đại học và đường sắt. Hơn 350 000 Hoa Kiều trong 102 nước đã ủng hộ chiến dịch quyên góp, tài trợ một phần lớn kinh phí 100 triệu euros của hồ bơi nổi tiếng « Water Cube » cho Thế vận hội Bắc Kinh năm 2008.

Sức mạnh kinh tế của một cộng đồng di dân khổng lồ và trung thành cho Trung Quốc một lợi thế không nước nào khác có thể so bì. Để gìn giữ quân chủ bài ấy, Bắc Kinh đề cao chủ nghĩa dân tộc, vừa để vượt ve tự ái dân tộc vừa để củng cố quan hệ keo sơn với một đội ngũ càng trung kiên khi quyền lợi của họ cũng gắn liền với sự hiện diện và thành quả của Trung Quốc ở mọi nơi.

Thật ra chủ nghĩa dân tộc cũng chỉ mới xuất hiện sau này trong ngôn từ của đảng Cộng Sản Trung Quốc. Ý tưởng phục thù những ô nhục Trung Quốc đã phải chịu trong những thế kỷ trước được nung nấu đầu tiên bởi Tưởng Giới Thạch và Quốc Dân Đảng. Trong suốt 20 năm, mỗi ngày tướng Tưởng đều viết vào nhật ký của mình hai chữ « Rửa nhục » kèm theo một suy nghĩ về làm thế nào để rửa hận. Ngược lại, với nền tảng lý thuyết là đấu tranh giai cấp và chủ nghĩa quốc tế, đảng Cộng sản Trung Quốc chọn qui

trách nhiệm những thảm trạng của Trung Quốc trong hai thế kỷ 19 và 20 lên chế độ phong kiến thời trước. Song, từ khi Trung Quốc ngã theo kinh tế thị trường, tư bản hoá và cũng bất bình đẳng xã hội như ai, đảng Cộng sản cần củng cố tính chính thống của mình bằng cái gì khác, nhất là sau thảm kịch Thiên An Môn năm 1989. Nhắc lại thế kỷ ô nhục thời trước để đối chiếu với những thành quả kinh tế lẫy lừng ngày nay, sự vĩ đại của cả thế giới, ai cũng hiểu: công lao ấy của đảng Cộng sản chứ của ai. Sách sử được viết lại, hàng loạt viện bảo tàng được xây lên ở mọi nơi. Bảo tàng Chiến tranh Nha phiến ở Quảng Đông, Đài tưởng niệm thám sát tại Nam Kinh, Bảo tàng quốc gia tại Bắc Kinh đều có nhiệm vụ nhắc nhở một trang sử bị đất được xoá sạch nhờ một đảng Cộng sản Trung Quốc « oai hùng ».

Chủ nghĩa dân tộc thường là bừa bới dùng đến khi người cai trị cần lái sự quan tâm hay phần nộ của dân chúng sang hướng khác, để người dân quên đi những vấn đề nội tại và siết chặt hàng ngũ với chính quyền. Nhưng « giấc mơ Trung Hoa » của Tập Cận Bình cũng là thông điệp gửi đến thế giới, vừa nằm trong chiến thuật quyền lực mềm (« phát triển hoà bình ») vừa kín đáo thị uy: Bắc Kinh có tham vọng - và có khả năng - nhân đôi GDP trên đầu người từ nay đến 2020 và đưa thêm 200 triệu người ra khỏi nghèo đói, sau 600 triệu người đã thoát nghèo. Tức là đã đủ giàu, đủ mạnh để thực hiện trong vài chục năm cái đã đòi hỏi 300 năm ở Tây phương. Con rồng không những đã thức dậy mà đã bắt đầu giương cánh.

Ngồi trên núi vàng

Tham vọng ấy có thực tế không ? Trung Quốc đã giàu hay vẫn nghèo, vẫn là « một nước đang phát triển », qui chế đã đòi cho bằng được khi thương thuyết gia nhập WTO để hưởng những điều kiện dễ dãi hơn. Đúng là xếp hạng theo GDP trên đầu người Trung Quốc còn ở một vị trí khiêm tốn, hạng thứ 83 theo IMF hay 92 theo Liên Hợp Quốc, đứng sau cả những nước đảo tí hon như Seychelles, Palau, hoặc Saint Kitts and Nevis. Và đúng là Trung Quốc còn phải giải quyết nhiều vấn đề tiêu biểu của một nước đang phát triển như bất bình đẳng xã hội với hệ số Gini 0,47²,

² Hệ số Gini đo mức bất bình đẳng về thu nhập trong một nước. 0 là bình đẳng tuyệt đối nếu toàn bộ thu nhập được chia đồng đều trên toàn dân chúng và 1 là bất bình đẳng tuyệt đối nếu chỉ một người có toàn bộ thu

chênh lệch trầm trọng giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng ven biển và vùng nội địa, và nhất là cả trăm triệu người vẫn còn sống dưới mức nghèo đói và chỉ một phần ba dân chúng được hưởng những kết quả của phát triển, không kể một số nhược điểm kinh tế khác. Song, nếu nhìn các con số GDP, kim ngạch xuất nhập khẩu, các hạng nhất hạng nhì về tiêu thụ tài nguyên, năng lượng, v.v. thì khó có thể nói Trung Quốc còn nghèo. Và Trung Quốc lại càng không thể nghèo nếu lấy dự trữ ngoại tệ là tiêu chuẩn đo lường.

Sau mấy chục năm liên tục xuất siêu với những tỉ lệ « khủng », Trung Quốc đã tích lũy một dự trữ ngoại tệ kék sù, lớn nhất thế giới từ năm 2006. Tháng 4 năm nay, Ngân hàng nhân dân Trung Quốc thông báo dự trữ ngoại tệ đã lên đến 3 950 tỉ USD cuối tháng 3. 2014, tức gần gấp bốn lần GDP của một nước trung bình như Tây Ban Nha (1 358 tỉ USD năm 2013), và gấp 3 lần dự trữ ngoại tệ của Nhật Bản. Tốc độ gia tăng quả là chóng mặt : cho đến 1978, dự trữ ngoại tệ Trung Quốc chỉ xấp xỉ 200 triệu USD. Năm 1990, con số được nhân lên 50 lần, đạt 10 tỉ. Sáu năm sau, năm 1996, con số tăng gấp 10 lần, lên 100 tỉ. Và cứ thế gia tăng ngày càng nhanh, càng nhiều: 500 tỉ năm 2003, 2000 tỉ năm 2006, và dự kiến sẽ vượt mức 4 000 tỉ cuối năm 2014. Như thế chỉ trong 36 năm, từ 1978 đến 2014, dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc đã được nhân lên 20 000 lần. Ngồi trên một núi vàng, Trung Quốc nghiêm nhiên sắm thêm vai cường quốc tài chính sau khi đã là cường quốc thương mại.

Vai trò ấy lộ rõ trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu những năm 2007-2010 sau khi ngân hàng Lehman Brothers ở Mỹ và một số công ti tài chính hàng đầu và lâu đời khác theo nhau vỡ nợ. Thị trường chứng khoán mọi nơi rối loạn. Châu Âu chao đảo, nhiều nước lâm vào suy thoái trầm trọng, thậm chí có nguy cơ khánh tận như Iceland, Ireland, Portugal, Tây Ban Nha và nhất là Hy Lạp. Không thể trông đợi ở Quỹ Tiền tệ Quốc tế đã phải bỏ vài chục tỉ USD để cứu Iceland, Hungary và Ukraine, và lại tổng số vốn IMF có thể cho vay không đủ đáp ứng mọi nhu cầu viện trợ : chỉ 250 tỉ USD, con số thật nhỏ nhoi so với hơn 2 000 tỉ USD dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc lúc ấy. Các lãnh đạo châu Âu, từ thủ

nhập của cả nước. Hệ số Gini 0,47 của Trung Quốc tương đương với một mức bất bình đẳng rất cao so với những nước như Đức (0,28) hoặc Thụy Điển (0,23).

tướng Anh Gordon Brown, tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy đến chủ tịch Ủy ban châu Âu José Manuel Barroso, kêu gọi Trung Quốc mở hầu bao, ra tay cứu nguy. Sau khi ca bài quen thuộc « hãy còn đang phát triển, cũng bị ảnh hưởng bởi suy thoái toàn cầu v.v. », Trung Quốc đưa ra một chương trình đầu tư khổng lồ 450 tỉ euros cho hai năm 2009-2010. Được đón nhận như cứu tinh trong những nước tín dụng ngân hàng cạn kiệt, ngân sách quốc gia cũng không khá hơn, những đầu tư này của Trung Quốc tất nhiên đầu tiên là phục vụ các lợi ích trung và dài hạn của Trung Quốc. Từ Athens đến Dublin, Lisboa và Madrid, Trung Quốc cho vay với lãi suất từ 5% đến 8%, qua đó cũng đa dạng hoá dự trữ ngoại tệ của mình, giảm bớt phần của đồng đô-la. Tính đến năm 2010, Bắc Kinh đã cho các nước châu Âu vay 630 tỉ euros, khoảng 7 % nợ công của châu Âu. Và cũng tất nhiên những đầu tư này không phải là vô điều kiện. Trung Quốc đòi hỏi thị trường phải mở cửa hơn nữa và nhất là được ban quy chế kinh tế thị trường (*market economy status*), điều các nước Âu Mỹ vẫn từ chối cho đến ngày hôm nay.

Từ năm 2000, Trung Quốc áp dụng chính sách đầu xuất xứ (*zou chuqu*) khuyến khích các công ti nội địa đi ra ngoài, đầu tư ở các nước khác, chủ yếu để khai thác tài nguyên ở châu Phi và châu Mỹ La tinh. Với sự phát triển kinh tế, Trung Quốc đã chuyển sang giai đoạn cao hơn, đầu tư trong những ngành kỹ nghệ và công nghệ cao. Cuộc khủng hoảng tài chính đã cho Trung Quốc nhiều cơ hội béo bở trên một thị trường thiết yếu của mình. Đầu tư của Trung Quốc ở châu Âu tăng gấp ba từ 2008 đến 2009 và tăng gấp đôi năm 2010. Chỉ trong ba năm, phần của châu Âu trong các giao dịch đầu tư Trung Quốc đã tăng gấp năm, từ 2% lên 10%. Ba nước đón nhận nhiều nhất là Anh, Đức và Pháp, nhưng đầu tư Trung Quốc cũng tăng vọt trong nhiều nước khác : gấp 12 lần ở Hoà Lan, gấp 164 lần ở Ireland, gấp 248 lần ở Bỉ và gấp ... 1000 lần ở Hungary và Hy Lạp !

Hy Lạp, trường hợp bi đát nhất châu Âu, cũng là một thí dụ tiêu biểu của quan hệ « song doanh » (*shuang ying*), tức hai bên cùng có lợi, theo kiểu Trung Quốc. Cho tới đây Hy Lạp có truyền thống giữ chặt các tài sản nhà nước và nghi ngại đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Song cuộc khủng hoảng tài chính và kinh tế đưa đất nước này đến bờ vực thẳm đã thay đổi tất cả. Để trang trải món nợ công khổng lồ, Hy Lạp phải tìm cách bán tháo đủ mọi tài

sản quốc gia, thành lập quỹ *Hellenic Republic Asset Development Fund* (HRADF) tháng 7. 2011 để thực hiện một chương trình tư nhân hoá to lớn. Trả lời phỏng vấn của báo Wall Street Journal đầu tháng 6 năm nay, Bộ trưởng hàng hải Miltiadis Varvitsiotis tuyên bố Hy Lạp sẵn sàng trải thảm đỏ mời các nhà đầu tư đến 13 cảng lớn nhất của Hy Lạp và dự tính tư nhân hoá cả những cảng nhỏ hơn.

Cách trung tâm thủ đô Athens chỉ 10 cây số về phía Nam, Pireás là cảng lớn nhất của Hy Lạp, cảng container lớn thứ ba của châu Âu hiện nay, đóng vai trò then chốt trong kinh tế Hy Lạp. Nằm giữa các tuyến giao thông thương mại quốc tế, Pireás là một trung tâm vận chuyển hàng hoá quan trọng.

Trong chuyến thăm Hy Lạp tháng 6 vừa qua của Lý Quốc Cường, buổi tham quan Pireás là cái đỉnh của chuyến đi và cũng tóm gọn mưu đồ của Trung Quốc ở nước này: củng cố xâm nhập thị trường châu Âu qua các tuyến đường sắt, hải cảng và phi trường của Hy Lạp. Với bài bản «win-win» cổ hũu, Lý Quốc Cường vừa hứa hẹn cho nền kinh tế Hy Lạp mới ra khỏi phòng hồi sức một tương lai rực rỡ với sự phát triển của cảng nhờ đầu tư của Trung Quốc, vừa khẳng định lợi ích của Hy Lạp như cửa ngõ vào châu Âu khi 80% trao đổi hàng hoá giữa Trung Quốc và châu Âu là qua đường biển. Năm 2009, công ti Cosco của Trung Quốc đã trả 3,3 tỉ euros để trực tiếp khai thác hai bến của cảng trong 35 năm. Những đầu tư của Cosco để mở rộng và hiện đại hoá hai bến này đã cho phép tăng số lượng hàng hoá vận chuyển từ 1,3 triệu đơn vị tương đương TEU (*Twenty-foot Equivalent Unit*) năm 2007 lên 3,16 triệu TEU năm 2013, trong đó 2,52 triệu TEU, tức 80%, là qua hai bến của Cosco. Quyết định của công ti Hewlett-Packard (HP) chuyển từ Rotterdam về Pireás trung tâm phân phối cho vùng châu Âu-Trung Đông-châu Phi, và giao kèo HP ký kết với Cosco được Hy Lạp khoe như thắng lợi của mình nhưng đây chủ yếu vẫn là một giao dịch giữa Trung Quốc và HP, và một yếu tố quyết định vẫn là vì đại đa số các cơ sở lắp ráp của HP nằm tại Trung Quốc. Cosco sẽ xây thêm một bến thứ ba, với năng suất 1,1 triệu TEU để phục vụ HP, Huawei, và các công ti khác như ZTE, Samsung, Sony, Dell, Cisco và Toshiba. Ngày 20.6 vừa qua, Lý Quốc Cường và thủ tướng Hy Lạp Antonis Samaras khánh thành chuyến hàng đầu tiên của Huawei từ Pireás đi các nước Đông Âu. Và ngày 23.6,

chuyển hàng đầu tiên của Hewlett-Packard cũng đã rời bến của Cosco để đi Cộng hoà Séc.

Đây mới chỉ là bước đầu. Cosco sẽ tiếp tục đầu tư khoảng 300 triệu USD mỗi năm trong sáu năm để đưa năng suất lên 6,2 triệu TEU một năm. Cosco đã được vào vòng nhì đấu thầu và gần như chắc chắn sẽ trúng thầu cuối năm nay để mua lại 67% cổ phần của nhà nước Hy Lạp, thuê tóm luôn cả khâu vận chuyển hành khách. Pireás là cảng hành khách lớn nhất châu Âu và lớn thứ ba trên thế giới, với khoảng 20 triệu hành khách mỗi năm. Trung Quốc còn ngập nghề những tài sản quốc gia khác trên danh sách của HRADF: cảng Thessaloniki, công ti đường sắt TrainOSE, công ti thiết bị đường sắt Rosco, phi trường Athens và 37 phi trường địa phương khác. Chiêu bài song doanh chỉ là công cụ của một chiến lược chiếm đoạt và bành trướng quy mô và rất quy củ.

Tham vọng bá quyền, đầu mối của xung đột

Uy lực của Trung Quốc thể hiện không chỉ qua những thí dụ kể trên mà còn qua sự lệ thuộc ngày càng sâu và rộng của các nước trên thế giới. Là nước tiêu thụ lớn nhất, Trung Quốc tất nhiên chi phối giá thị trường thế giới của vô số nguyên nhiên liệu, ảnh hưởng lên tình hình kinh tế những nước xuất khẩu các tài nguyên này như Úc và châu Mỹ la tinh, châu Phi. Song tất cả những nước khác cũng đều trực tiếp hay gián tiếp nằm trong vùng toả sóng của Trung Quốc. Tháng 1. 2013, Trung Quốc tuyên bố là theo một tài liệu của Associated Press, đã trở thành đối tác quan trọng nhất của 124 nước trong năm 2011, hạ bệ Mỹ chỉ còn là đối tác hàng đầu của 70 nước so với con số 127 nước năm 2006. Ảnh hưởng của Trung Quốc như thế ngày càng lan rộng, quan hệ thương mại với Trung Quốc chiếm khoảng 12,4 % GDP của 180 nước trên thế giới năm 2011, vượt qua Mỹ. Năm 2002, tỉ lệ này của Trung Quốc chỉ khoảng 3% so với 8,7% của Mỹ. Nói cách khác, Trung Quốc không chỉ bành trướng sự hiện diện của mình trên trái đất mà còn đưa một phần càng ngày càng lớn của trái đất vào trong quỹ đạo của mình.

Như bộ trưởng thương mại Tân Tây Lan Tim Groser phát biểu đầu tháng 7 vừa qua : « *Trung Quốc hiện là đối tác thương mại số một của 124 nước, một con số đáng kinh ngạc. Nếu kinh tế*

Trung Quốc khựng lại hoặc tệ hơn nữa, tất cả những thị trường xuất khẩu của chúng ta cũng sẽ khựng lại. Chúng ta sẽ bị thiệt hại cho dù không bán một xu hàng hoá hay dịch vụ nào cho Trung Quốc ». Nói cách khác, khi Trung Quốc hắt hơi, cả thế giới phải lo chạy mua lá xông, cạo gió cho chính mình. Ít có nước nào được thường xuyên bắt mạch như Trung Quốc, mọi lên xuống của các con số xuất nhập khẩu, tiêu thụ than dầu của Trung Quốc đều được báo chí các nước theo dõi, bình luận, mổ xẻ thể như của chính nước mình. Trong một thế giới ngày càng hoà nhập, những diễn biến ở một nơi tác động trực tiếp lên tình hình ở nơi khác, ảnh hưởng của một anh khổng lồ như Trung Quốc là điều đương nhiên. Song cạnh đó còn có vài anh khổng lồ khác đâu chịu ngồi yên để Trung Quốc bắt nạt lấn áp và càng quyết liệt bảo vệ vị thế của mình khi những tham vọng của Bắc Kinh ngày càng lộ liễu. Trung Quốc lớn mạnh, bành trướng bao nhiêu thì những tranh chấp với các cường quốc thương mại khác cũng tăng lên bấy nhiêu.

Lợi thế do các nguyên tắc mở cửa thị trường của WTO mang đến cho Trung Quốc đã rất rõ, còn Trung Quốc đã vận dụng ra sao quyền lợi do hệ thống tranh chấp của WTO ?

Đối với Trung Quốc, mục đích tối thượng khi gia nhập WTO là được mở cửa thị trường, khi có tranh chấp Bắc Kinh vẫn muốn giải quyết song phương hơn là để một thể chế đa phương phân xử. Lấy thịt đè người, giải pháp song phương vẫn có lợi cho Trung Quốc hơn một khuôn khổ đa phương áp dụng đồng đều cho mọi thành viên với những qui tắc luật lệ tất cả phải tuân thủ và khả năng thua kiện cao vì sự vi phạm thường khó chối cãi. Mặt khác, Bắc Kinh có truyền thống không muốn ra trọng tài quốc tế, một phần vì dị ứng với viễn tượng có thể bị áp đặt phán quyết của ngoại bang, vết thương để lại của lịch sử bị chiếm đóng. Cho đến khi gia nhập WTO, Trung Quốc vẫn quan niệm phải « ra toà » là thất bại chính trị, đã không giải quyết được bằng cách làm đối phương khuất phục. Do đó trong những năm đầu sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc giữ thế thủ là chính, chỉ tham gia như đệ tam nhân những vụ kiện đáng quan tâm. Song từ năm 2006 trở đi, bị kiện nhiều nên Trung Quốc cũng phản công, kiện lại và tham gia cơ chế giải quyết tranh chấp ngày càng nhiều hơn, với tư cách nguyên cáo cũng như bị cáo.

Tính đến cuối tháng 7 năm nay, Trung Quốc đã đứng đơn kiện trong 12 vụ, bị kiện trong 31 vụ và là đệ tam nhân trong 110 vụ. Những vụ kiện liên quan đến đủ loại hàng hoá và dịch vụ: sắt thép, thiết bị năng lượng, vải vóc, quần áo, giày dép, xe hơi và bộ phận xe hơi, bánh xe, nguyên liệu thô, đất hiếm, thịt gà, tôm, thiết bị kiểm soát bằng tia-X, dịch vụ thanh toán bằng thẻ điện tử, dịch vụ thông tin tài chính, dịch vụ phân phối báo chí và sản phẩm giải trí nghe-nhìn, biện pháp bảo vệ quyền sở hữu tri thức, v.v. Trung Quốc chỉ kiện hai thành viên : Mỹ (9 vụ) và EU (3). Trong khi đó Trung Quốc bị 6 thành viên kiện : Mỹ (15 vụ), EU (7), Mexico (4), Nhật (2), Canada (2) , và Guatemala (1). Có thể thấy đại đa số các vụ kiện liên quan đến Mỹ và EU, là hai đối tác thương mại chính của Trung Quốc. Nội dung đa dạng của các vụ kiện cũng phản ánh sự đa dạng của những lĩnh vực trong đó hành xử của Bắc Kinh đặc biệt gây quan ngại (chẳng hạn đất hiếm) hoặc thường xuyên vi phạm luật WTO (sở hữu tri thức).

Số các vụ kiện tính theo đơn kiện cao hơn số tính theo nội dung vì có một số là những vụ kiện đa nguyên đơn (*multiple complainants cases*), khi hai hoặc ba thành viên cùng khởi tố một thành viên khác trên cùng một chủ đề, vì họ cảm thấy cùng bị liên can và muốn có vai trò tích cực hơn là tham gia với tư cách đệ tam nhân. Nếu thắng kiện, các nguyên đơn có quyền đòi hỏi đối phương phải sửa sai cái đụng chạm đến quyền lợi của mình, nếu thua kiện hoặc thắng mà chưa hài lòng, họ có thể kháng cáo và áp đặt biện pháp trả đũa nếu được WTO xét là chính đáng. Các đệ tam nhân chỉ có thể quan sát và phát biểu quan điểm. Một điều đáng nêu lên là tất cả 12 vụ Trung Quốc kiện Mỹ và EU đều chỉ có mình Trung Quốc đứng đơn, nghĩa là không thành viên nào khác cảm thấy cần phải nhảy ra « đồng hội đồng thuyền » với Bắc Kinh. Một lý do là vài vụ kiện là ân oán giang hồ, Trung Quốc khởi kiện để cà khịa, trả đũa là chính, nên nội dung không liên can đến các thành viên khác. Ngược lại trong con số 31 vụ Trung Quốc bị kiện, có tới 15 vụ có ba nguyên đơn (trên 5 chủ đề chung) và 4 vụ hai nguyên đơn (trên 2 chủ đề chung), cho thấy những tranh chấp của Trung Quốc liên can đến nhiều thành viên, và là những đề tài « nóng » được nhiều nước quan tâm.

Cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO gồm hai bộ phận : đầu tiên sự việc được đưa ra một nhóm hội thẩm (*panel*) xét xử. Nhóm hội thẩm, sau khi phân tích chi tiết các luận cứ và chứng cứ của hai

bên, kết luận ai phải ai trái và đề nghị Cơ quan giải quyết tranh chấp (*Dispute Settlement Body* – DSB) khuyến nghị bên thua kiện sửa sai biện pháp để phù hợp với luật WTO. Nguyên cáo hay bị cáo, hay cả hai bên, nếu không đồng ý với các kết luận có thể kháng cáo lên Cơ quan phúc thẩm (*Appellate Body*). Cơ quan này chỉ xem xét trên cơ sở pháp lý và xác nhận hoặc bác bỏ các kết luận của nhóm hội thẩm. Phán quyết của Cơ quan phúc thẩm là quyết định cuối cùng và bên thua phải chấp hành.

Các nhóm hội thẩm cũng như Cơ quan phúc thẩm thường tỏ ra nường tay, có bất lỗi trên các điểm chính cũng cho bên thua kiện có lý trên vài điểm phụ, để tỏ ra công minh và cân bằng. Điều đáng để ý là trong 12 vụ do mình khởi tố, Trung Quốc thắng 5 lần, thua 3 lần, một vụ coi như huề, một vụ dừng lại ở giai đoạn hội ý giữa hai bên, và hai vụ chưa kết thúc. Trong 31 vụ là bị can, Trung Quốc thua 15 lần, 10 vụ chưa kết thúc và 6 vụ giải quyết qua thoả thuận giữa hai bên, chủ yếu là Bắc Kinh nhượng bộ. Như thế Trung Quốc thua nhiều hơn thắng, và nhất là thua đậm trong nhiều vụ gần đây, các nhóm hội thẩm cũng như Cơ quan phúc thẩm hầu như không để lại gì cho Bắc Kinh gỡ thế diện. Có thể hiểu một phần vì những vi phạm của Trung Quốc hiển nhiên hơn, khó bào chữa hơn, và một phần vì các « quan toà » WTO cứng rắn hơn với những vi phạm có thể ảnh hưởng lên cả hệ thống vì xuất phát từ một thành viên có trọng lượng như Trung Quốc.

Một lý do Trung Quốc dễ thua kiện ở WTO là những khiếm khuyết trong tuân thủ luật WTO và thực thi các điều đã cam kết để được gia nhập. Như mọi thành viên khác, Trung Quốc phải chịu sự giám sát của toàn thể WTO thông qua Cơ quan xét duyệt chính sách thương mại (*Trade Policy Review Body* – TPRB). Chu kỳ xét duyệt tùy theo trọng lượng thương mại của mỗi thành viên. Bốn cường quốc thương mại lớn nhất - Trung Quốc, Mỹ, EU, Nhật - được xét duyệt hai năm một lần. Các thành viên nhỏ như Việt Nam thì 6 năm một lần. Song, để gia nhập WTO, Trung Quốc đã phải chấp nhận thêm một hình thức giám sát chỉ áp dụng riêng cho mình trong mười năm, Cơ chế xét duyệt trong thời kỳ quá độ (*Transitional Review Mechanism*), qua đó mỗi năm các thành viên xem xét Trung Quốc đã thực thi ra sao các cam kết của mình. Trong buổi họp cuối cùng của cơ chế này, ngày 30.11.2011, phát biểu của đại sứ Mỹ tại WTO Michael Punke tóm gọn những nhận xét và phê bình của các thành viên khác, công nhận Trung Quốc đã

có cố gắng và một số thành quả trong việc thực thi cam kết và cải cách luật lệ và các biện pháp để thích hợp hơn với luật WTO, nhưng nêu lên rất nhiều vấn đề còn tồn tại: không minh bạch, không trong suốt, không thi hành nghĩa vụ thông báo lên WTO, vi phạm nhiều điều lệ của WTO đặc biệt là quy tắc đãi ngộ quốc gia và sở hữu tri thức, v.v. Michael Punke còn cảnh cáo : « *Các thành viên WTO nhận xét nhà cầm quyền Trung Quốc nhiều khi dùng rắn đe như biện pháp thương mại. Đã có quá nhiều trường hợp nhà chức trách Trung Quốc đe dọa rút giấy phép hay áp dụng biện pháp trả đũa khác đối với những công ti nước ngoài nào lên tiếng phản đối những chính sách gây vấn đề của Trung Quốc hoặc cho cảm tưởng là họ đồng tình với nỗ lực của nước họ để chống lại các chính sách ấy... Hành xử này đi ngược lại những quy tắc cơ bản của hệ thống pháp lý WTO* ».

Đầu tháng 7 vừa qua, WTO tiến hành trong hai ngày buổi họp lần thứ 5 xét duyệt chính sách thương mại của Trung Quốc. Trước đó, Trung Quốc đã nhận được hơn 1 700 câu hỏi từ 30 thành viên, cho thấy mức quan tâm của rất nhiều nước đối với các chính sách của Bắc Kinh và trọng lượng ngày càng lớn của Trung Quốc trong thương mại thế giới. Các phê bình và kết luận của các thành viên vẫn không thay đổi về những thiếu sót của Trung Quốc nhưng phân biệt của Bắc Kinh, qua trả lời đốp chát của thứ trưởng thương mại Vương Thụy Văn (Wang Shouwen), cho thấy Trung Quốc coi thường các đối tác của mình ra sao. Bác bỏ phê bình của các thành viên như những « luận điệu vô căn cứ », họ Vương tuyên bố « *Trung Quốc là một trong những nước tuân thủ đúng hoàng nhất các quyết định của WTO* ». Thái độ kiêu căng và bất chấp người nghe này đã thể hiện từ nhiều năm qua hành xử của Bắc Kinh trong những quan hệ quốc tế khác, những hội nghị và cuộc họp thượng đỉnh về các đề tài ngoài khuôn khổ của WTO. Như Yilmaz Akyüz, cựu chuyên gia cao cấp của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (*United Nations Conference on Trade and Development – UNCTAD*) đã nhận xét : « *Trung Quốc việc gì phải suy nghĩ bàn bạc về những phương hướng phát triển khác nhau khi đã tin chắc là mình giỏi nhất thiên hạ ?*».

Ra ngoài hệ thống thương mại đa phương

Đối với hệ thống thương mại đa phương, hai sự kiện lớn của cuối năm 2001, tuy lúc ấy bị lu mờ bởi biến cố 11.9 ở Mỹ, là vòng đàm phán Doha được phát động và Trung Quốc gia nhập WTO. Từ đó tới nay, hai sự kiện nổi bật ấy đã diễn tiến ngược lại nhau. Trung Quốc lên như diều còn vòng Doha ị ạch, bế tắc đến mức đã nhiều lần được các quan sát viên cho khai tử. Sự trì trệ ấy cùng những thay đổi sâu sắc của cục diện thế giới với sự trỗi dậy của các nước đang lên đã khiến các quốc gia thương mại tìm đến những giải pháp khác ngoài vòng Doha và ngoài cả hệ thống WTO. Các nước đua nhau thương thuyết và ký kết những hiệp định mậu dịch tự do song phương hoặc khu vực, chông chéo và rối rắm tới mức thường được mô tả là « tô mì Ý » (*spaghetti bowl*). Các nước thành viên tham gia những hiệp định này, dưới tên gọi chung « hiệp định thương mại khu vực » (*regional trade agreement – RTA*), phải thông báo lên WTO. Cho tới ngày 15 tháng 6 năm nay, WTO đã nhận được 585 phúc trình về RTA, trong đó 379 RTA đã có hiệu lực. Hầu hết các thành viên đều tham gia một hay nhiều RTA, có nước tham gia tới 20 RTA khác nhau. Ngoài rất nhiều thoả thuận cục bộ với một số nước, Trung Quốc đã ký 10 RTA song phương (với Chile, Costa Rica, Hồng Kông, Iceland, Macao, Pakistan, Peru, Singapore, Tân Tây Lan, Thụy Sĩ), hai RTA khu vực (Asean và châu Á-Thái Bình Dương), và một RTA tay ba với Hồng Kông và Tân Tây Lan. Ngoài ra Trung Quốc đang thương thuyết ký với hai nước khác, Úc và Na Uy.

Xu hướng RTA trên thế giới vẫn tiếp tục thậm chí mạnh mẽ hơn, với những dự án hiệp định khu vực rộng lớn gồm nhiều nước, trong đó quan trọng nhất là hai hiệp định do Mỹ chủ xướng và thương thuyết : Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (*Trans-Pacific Partnership - TPP*) với 11 nước châu Á- Thái Bình dương, và Hiệp định đối tác đầu tư và thương mại xuyên Đại Tây Dương (*Transatlantic Trade and Investment Partnership- TTIP*) với EU. Bắc Kinh không được mời tham gia thương thuyết TPP và hai dự án này thường được bình luận như chiến lược của Mỹ để đối trọng lại sức mạnh và ảnh hưởng của Trung Quốc trên thế giới hiện nay. Đây cũng là phân tích của Trung Quốc, xem đó là sự khiêu khích trong quan hệ kinh địch giữa Mỹ và mình. Trong một báo cáo công bố ngày 6 tháng 5 vừa qua, Trung tâm Nghiên cứu chiến lược và an ninh quốc tế thuộc Học viện Quan hệ quốc tế tại Bắc Kinh cảnh báo là những vận động của Mỹ để ký kết TPP và TTIP đe dọa an ninh kinh tế của Trung Quốc. Theo các tác giả, cái họ gọi là

« Chiến lược Hai Đại dương » này là một mưu toan của Mỹ để dành lại vị trí bá quyền kinh tế, phá vỡ những cơ chế hợp tác khu vực và áp đặt những mô hình kinh tế thị trường do Mỹ chi phối. Họ cáo buộc Mỹ đang tìm cách xây dựng một thể chế kinh tế toàn cầu mới để cô lập Trung Quốc, vượt qua pháp quyền của WTO.

Song Bắc Kinh cũng đâu có khoanh tay ngồi im trong cuộc chạy đua tranh thủ liên kết và đồng minh. Ngoài hiệp định đã ký với Asean, Trung Quốc tham gia thương thuyết dự án Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện (*Regional Comprehensive Economic Partnership - RCEP*) gồm 10 nước Asean và 6 nước đã ký RTA với Asean : Ấn Độ, Nam Hàn, Nhật, Tân Tây Lan, Trung Quốc và Úc. Vòng đàm phán RCEP đã được phát động tại hội nghị thượng đỉnh của Asean tại Phnom Penh tháng 11. 2012 với dự kiến kết thúc năm 2015 nhưng đã tiến triển rất chậm.

Quan trọng hơn, Trung Quốc tranh thủ các nước đang nổi khác trong nhóm BRICS (Brazil, Nga, Ấn Độ và Nam Phi) để thực hiện một số mục tiêu. Trong bước đầu tiên đến thể chế hoá một nhóm trong đó Trung Quốc đóng vai trò chủ chốt, các nguyên thủ năm quốc gia này họp tại Fortaleza (Brazil) ngay hôm sau trận chung kết của giải bóng đá Mundial để thành lập Ngân hàng Phát triển mới (*New Development Bank – NDB*) tài trợ những dự án xây dựng hạ tầng cơ sở và phát triển bền vững trong các nước đang phát triển, cạnh tranh trực tiếp với Ngân hàng Thế giới và IMF. Trụ sở của NDB sẽ đặt tại Thượng Hải với một Trung tâm cho châu Phi ở Nam Phi, chủ tịch đầu tiên sẽ là người Ấn Độ, Brazil sẽ chủ tọa ban giám đốc đầu tiên và Nga hội đồng thông đốc đầu tiên. Trong giai đoạn đầu, năm nước tham gia sẽ đóng góp mỗi nước 10 tỉ USD để quy tụ một nửa số vốn dự trù 100 tỉ USD. Ngoài ra một quỹ dự trữ ngoại hối (*Contingent Reserve Arrangement*) cũng sẽ được thành lập để giải quyết những vấn đề cán cân thanh toán, với ngân sách 100 tỉ USD, trong đó riêng Trung Quốc đóng góp gần một nửa (41 tỉ USD), Brazil, Nga và Ấn Độ mỗi nước 18 tỉ USD và Nam Phi 5 tỉ USD. Trung Quốc sẽ kiểm soát NDB với 39,5% phiếu biểu quyết, ba nước Brazil, Ấn Độ và Nga chỉ có mỗi nước 18,1 % và Nam Phi 5,75%.

Dự án này, cho tới nay được mệnh danh là ngân hàng BRICS, xuất phát từ sự bất mãn trước sự trì trệ của công cuộc cải cách IMF nhằm gia tăng quyền biểu quyết của các nước đang phát triển và

mới nổi để phản ánh vai trò lớn hơn của họ trong nền kinh tế thế giới ngày nay. Các cải cách này là điều các nước mới nổi, đặc biệt Trung Quốc, đòi hỏi đã lâu và đã được thoả thuận năm 2010 nhưng bị chặn lại vì quốc hội Mỹ, nước có quyền biểu quyết cao nhất, không thông qua đạo luật chuẩn y, trong khi hầu hết các nước thành viên IMF khác đã thông qua đạo luật của mình. Sự ra đời của NDB được xem như một thách thức đối với hệ thống tài chính do các thể chế Bretton Woods cai quản, khẳng định sự thoát ly của các nước mới nổi và sức mạnh tài chính của Trung Quốc.

Song song với việc thành lập NDB, Trung Quốc cũng thúc đẩy dự án thành lập một tổ chức tài chính quốc tế khác, đặt tên là *Asian Infrastructure Investment Bank* (AIIB), do chính mình tài trợ và kiểm soát để cạnh tranh trực tiếp với Ngân hàng phát triển châu Á (*Asian Development Bank* – AsDB), theo Bắc Kinh bị chi phối quá nhiều bởi Mỹ và Nhật, có hơn một phần tư quyền biểu quyết, trong khi Trung Quốc chỉ có 5,47%.. Trụ sở của AsDB đặt tại Manila (Phi Luật Tân), hai cổ phần viên lớn nhất của AsDB là Nhật, 15,7% vốn, và Mỹ, 15,6% vốn, và từ khi thành lập năm 1966, chủ tịch AsDB luôn là một người Nhật. Cả ba nước này đều là địch thủ trong cái nhìn của Bắc Kinh. Trung Quốc đã mời khoảng 20 nước, đặc biệt các nước Trung Đông giàu có, mà Bắc Kinh gọi là «Tây Á», tham gia dự án AIIB và nhất quyết sẽ thực hiện ngay cả nếu không có nước nào hưởng ứng. AIIB sẽ chuyên tài trợ các dự án xây dựng hạ tầng cơ sở, đầu tiên là «con đường tơ lụa mới» giữa châu Âu và Trung Quốc và đường xe lửa nối liền Bắc Kinh với thủ đô Bagdad của Irak. Trong một buổi họp gần đây, Trung Quốc đề nghị nhân đôi số vốn dự trù ban đầu từ 50 tỉ lên 100 tỉ USD để AIIB có ngay tầm cỡ tương đương với hai phần ba số vốn 165 tỉ USD của AsDB.

Chiến lược củng cố quyền lực và ảnh hưởng của Trung Quốc không dừng ở đây mà thực hiện qua nhiều hoạt động và dự án khác không thể kể hết ở đây. Chỉ đơn cử một thí dụ đáng để ý là chiến dịch tham gia Hội đồng Bắc cực (*Arctic Council*), cho thấy những tham vọng và ý đồ lâu dài của Bắc Kinh.

Bắc cực là một vùng ngày càng có tầm quan trọng chiến lược vì giàu tài nguyên như dầu hoả (khoảng 22% trữ lượng của thế giới), khí đốt, kền, đồng, than, vàng, kim cương, urani, vonfram, sắt, v.v. Phần lớn các khoáng sản còn tiềm tàng vì ở những nơi

khó tiếp cận và chi phí khai thác cao. Mặt khác, biến đổi khí hậu hâm nóng khí quyển làm tan dải băng sẽ cho phép tàu bè qua lại, mở thêm một tuyến giao thông mới rút ngắn thời gian vận chuyển hàng hoá. Năm 1996, Hội đồng Bắc cực gồm 5 nước Bắc Âu (Na Uy, Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch và Iceland), Mỹ, Canada và Nga, được thiết lập để qui định khung pháp lý cho các hoạt động kinh tế tương lai, bảo vệ môi sinh và các cộng đồng dân cư. Với viễn tượng một vùng đất mới nhiều hứa hẹn, gia nhập tổ chức này trở thành mục tiêu địa chính trị của nhiều nước. Ngày 15.5.2013, Hội đồng Bắc cực họp tại Kiruna (Thụy Điển) để xét đơn xin quy chế quan sát viên của 14 nước và tổ chức, trong đó có Trung Quốc, Nhật, Nam Hàn, Singapore, Ấn Độ, Ủy ban châu Âu, Ý và tổ chức Greenpeace. Trung Quốc là ứng viên gây tranh cãi nhất nhưng tranh thủ được sự ủng hộ của các nước Bắc Âu sau khi tích cực ve vãn các nước này và ký với Iceland hiệp định mậu dịch tự do đầu tiên với một nước châu Âu.

Chỉ vài tuần sau khi được quy chế quan sát viên thường trực, Bắc Kinh đã gửi Du Chính Thanh (Yu Zhengsheng), Ủy viên Ban Thường vụ Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc và Chủ tịch Hội nghị Hiệp thương chính trị của Trung Quốc, đi thăm Phần Lan, Thụy Điển và Đan Mạch tháng 6. 2013 để đẩy mạnh quan hệ thương mại và hợp tác, đặc biệt ở Bắc cực. Trung Quốc thông báo tăng cường viện nghiên cứu khoa học về địa cực để hợp tác với các trung tâm nghiên cứu Bắc Âu về biến đổi khí hậu và những chính sách biện pháp cần thiết ở Bắc cực, cho thấy sẽ không chỉ là một quan sát viên thụ động mà dứt khoát muốn có tiếng nói trong những hoạt động sắp tới. Cùng lúc, một số công ti Trung Quốc cũng đã ký kết giao kèo với các công ti Bắc Âu như China National Offshore Oil Corporation với Eykon Energy của Iceland để khảo sát vùng biển Đông Nam của nước này. Sichan Xinue Mining cũng đã thoả thuận tài trợ một dự án khảo sát tại mỏ sắt Isua ở Groenland, và cùng với hai công ti khác đã có mặt ở Groenland, Jiangxi Zhongrun Mining và Jiangxi Union Mining, sẽ khảo sát vàng và đồng. Ngày 8.8.2013, tàu Yong Sheng với trọng tải 19 000 tấn của công ti Cosco đã khởi hành từ cảng Đại Liên ở phía Bắc Trung Quốc đi Rotterdam qua đường Bắc cực, theo Cosco rút ngắn được 13 đến 15 ngày so với đi qua ngã kênh Suez và Địa Trung Hải. Tuy còn rất lâu tuyến giao thông này mới có thể cạnh tranh với kênh Suez nhưng đây là một tín hiệu khác của

Trung Quốc về quyết tâm coi Bắc cực như một thành trì tương lai của mình.

Ngoài các lợi ích về thương mại, đầu tư và khai thác năng lượng, Trung Quốc nhắm những mục tiêu xa hơn, tìm cách bắt rễ ở Bắc cực để đòi hỏi những cái tự cho là « quyền lợi chính đáng » : tự xưng mình là một « quốc gia gần Bắc cực » (*near-Arctic State*) và một « nước liên quan mật thiết với Bắc cực » (*Arctic stakeholder*), Trung Quốc sẽ bằng mọi cách can dự vào việc xác định biên giới lãnh thổ Bắc cực và chủ quyền trên các tài nguyên. Những tham vọng của Bắc Kinh ở biển Đông và đường lưỡi bò phải là tiếng chuông cảnh báo các nước Bắc cực.

Đã xa lắm rồi cái ngày Đặng Tiểu Bình ra phương châm « *thao quang dưỡng hối* » nôm na là che giấu cái mạnh, phô trương cái yếu, của chính sách giấu mình chờ thời : « *bình tĩnh quan sát, giữ vững trận địa, bình tĩnh ứng phó, giấu mình chờ thời* ». Trung Quốc ngày nay không còn ngại phô trương sức mạnh, không còn che giấu sự tự đắc về mình và khinh thị đối với mọi nước khác, kể cả và nhất là đối với các cường quốc, tự cho phép trịch thượng và ăn nói đốp chát, lỗ mãng. Các viên chức EU vẫn còn bàng hoàng khi nhắc lại câu nói dè bủ của phái đoàn Trung Quốc đến thương thuyết tại Bruxelles : « *Các ông bà cứ nghĩ mình đang sống trong một châu Âu là một nước Thụy Sĩ phóng to, nhưng thật ra đang ở trong một nước Hy Lạp phóng to* ».

Tương cũng nên nhắc lại câu của Đặng Tiểu Bình phát biểu trước Liên Hiệp Quốc ngày 10.4.1974 : « *Trung Quốc không phải là siêu cường quốc và cũng không bao giờ tìm cách trở thành siêu cường quốc. Nếu một ngày nào Trung Quốc thay da đổi thịt, trở thành siêu cường quốc và cũng chơi trò bạo chúa trên thế giới, bắt người khác ở mọi nơi phải chịu đựng sự hung hãn, gây hấn và bóc lột của mình, ngày ấy nhân dân thế giới sẽ phải nhận diện cái chủ nghĩa đế quốc xã hội ấy, vạch trần nó, chống lại nó và cùng nhân dân Trung Quốc lật đổ nó* ».

Ngày ấy đã đến, con mèo nửa trắng nửa đen đã thay lông hoá cáo từ lâu. Thế giới còn đợi gì mà chưa nghe theo lời ông Đặng ?

27.7.2014
Đỗ Tuyết Khanh

Tài liệu tham khảo

1. Blank, Stephen, *China's Arctic Strategy*, The Diplomat, 20.6.2013
<http://thediplomat.com/2013/06/chinas-arctic-strategy>
2. Blas, Javier, *Illegal industries cost Africa \$20bn*, Financial Times, 8.5.2014
3. Cardenal, Juan Pablo & Araújo, Herbert , *China's Silent Army, The Pioneers, Traders, Fixers and Workers Who Are Remaking the World in Beijing's Image*, Penguin Books, London, 2014
4. Chang, Bao, *China continues to increase influence*, China Daily-US Edition, 11.1.2013
5. Cohen, Philippe & Richard, Luc, *La Chine sera-t-elle notre cauchemar ? Les dégâts du libéral-communisme en Chine et dans le monde*, édition Mille et une nuits, Paris, 2005
6. Đỗ Tuyết Khanh, Chính sách khai thác tài nguyên của Trung Quốc, Thời đại mới, số 23, tháng 11. 2011
7. EUROSTAT, Communiqué de presse, STAT/13/172 , 19.11.2013
8. Fogarty, David, *China at the center of global illegal timber trade, NGO says*, Reuters, 29.11.2012
<http://www.mobile.reuters.com/article/Deals/idUSBRE8AS08D20121129>
9. González, Alicia, *China sale de compras*, El País, 22.6.2014
10. Greek Reporter, *Chinese Premier in Piraeus: Cosco Sees Expansion*, 20.6.2014
<http://greece.greekreporter.com/2014/06/20/chinese-premier-in-piraeus-cosco-sees-expansion/>

11. International Centre for Trade and Sustainable Development, *BRICS Countries Launch New Development Bank*, 17.7.2014
<http://www.ictsd.org/bridges-news/bridges/news/brics-countries-launch-new-development-bank>
12. Kauffmann, Sylvie, *A la Coupe des BRICS, la Chine part favorite*, Le Monde, 7.7.2014
13. Manjiao, Chi, *China's participation in WTO dispute settlement over the past decade : Experiences and impacts*, Journal of International Economic Law, Vol. 15 No. 1, Oxford University Press, 2012
14. McMillion, Charles, *China Trade Apologists know a « Reality » That Is NOT True*, Manufacturing & Technology News, Volume 18, No. 16, 21.10.2011
<http://www.manufacturingnews.com/news/11/1021/mcmillion.html>
15. de Montalembert, Ghislain & Roquelle, Sophie, *Quand la Chine rachète le monde*, Le Figaro, 29.1.2011
<http://www.lefigaro.fr/conjoncture/2011/01/29/04016-20110129ARTFIG00005-quand-la-chine-rachete-le-monde.php>
16. Narandjo, José, *La voracidad china deja huella en África*, El País, 22.6.2014
http://internacional.elpais.com/internacional/2014/06/20/actualidad/1403277317_415229.html
17. Nash-Hoff, Michele, *Changing to WTO's « Made in the World » Labeling would harm Americans*, Huffington Post, 22.5.2012
http://www.huffingtonpost.com/michele-nashhoff/changing-to-wtos-made-in-b_1536758.html
18. Picquart, Pierre, *Comment la Chine a profité de la crise pour racheter nos entreprises*, 13.8.2012
<http://www.atlantico.fr/decryptage/comment-chine-profite-crise-pour-investir-massivement-dans-nos->

[entreprises-pierre-picquart-440254.htm](#)

19. Plassart, Philippe, *Une histoire édifiante – Face à tant de contradictions européennes, la partie chinoise joue sur du velours*, Le Nouvel Economiste, n° 1966 , 7-13.6.2013
20. Redacción América Economía, *Hacia el imperio de China*, 5.4.2014
<http://www.americaeconomia.com/analisis-opinion/hacia-el-imperio-de-china>
21. Ridet, Philippe, *Made in Italy à la chinoise*, Le Monde, 4.11.2010.
22. Vassé, Philippe, *Crise de l'euro: quand la Chine possédera l'Europe (après l'Afrique)*
<http://www.agoravox.fr/actualites/economie/article/crise-de-l-euro-quand-la-chine-103310>
23. WTO, *Country Profile, China*, 3.2014
<http://stat.wto.org/CountryProfile/WSDBCountryPFView.aspx?Country=CN&>
24. WTO, *Protocol of Accession of the People's Republic of China*, WT/ACC/CHN/49, 2001
25. WTO, *World Trade Report 2013- Factors shaping the future of world trade*, 2013
26. Zhang Yubi, *US trade pacts « undermine China's economic security »*, China Daily, 7.5.2014
http://www.china.org.cn/business/2014-05/07/content_32308811.htm

Và các bản tin của các báo và thông tấn xã AFP, L'Agéfi, Bloomberg BNA - WTO Reporter, China Daily, Dow Jones Institutional News, The Economist, Les Echos, Le Figaro, Financial Times, The Guardian, Inside US-China Trade, International New York Times, Le Monde, The New Zealand Herald, El País, Reuters, South China Morning Post, Le Temps, La

Tribune, La Vanguardia Ediciones, The Wall Street Journal, The Washington Post, Xinhua, YaleGlobal, v.v.

© *Thời Đại Mới*